CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Cao su Sao vàng

Ngày 28/06/2024	31,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.0%	**10.4%**	**13.6%**

DT thuần
Q2/24
328
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 153| 87.6%
YoY: ▲ 52.0| 18.9%

LN thuần
Q2/24
15.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.6| 275%
YoY: ▲ 7.75| 95.9%

LN sau thuế
Q2/24
114
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 111| 3300%
YoY: ▲ 108| 1749%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
55.3%
YoY: +/-▲ 50.6%

ROE (TTM)
Q2/24
28.3%
YoY: +/-▲ 21.8%

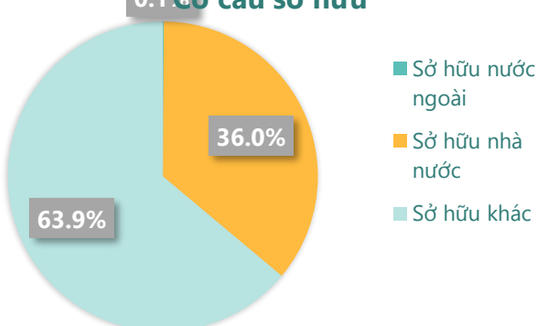
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,209 - 34,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	892
Số lượng CPLH (CP)	28,063,368
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,260
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.19)
EPS	4,862
P/E	6.5

DT thuần
6T 2024
503
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.0| 5.4%

LN thuần
6T 2024
20.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.80| 63.3%

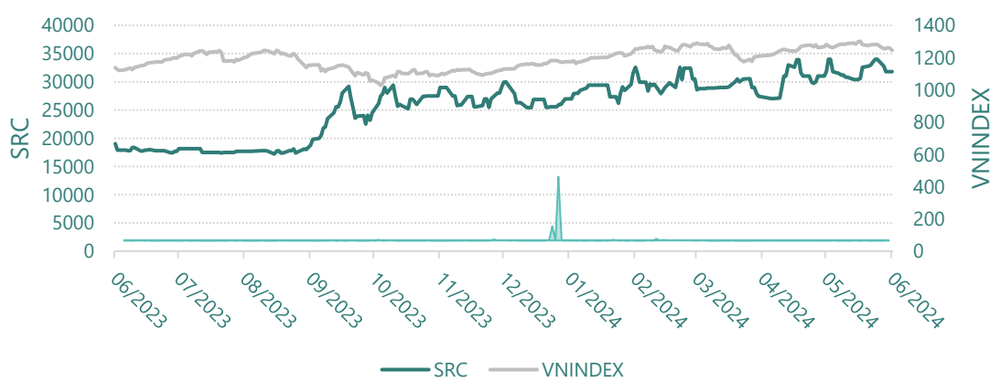
LN sau thuế
6T 2024
117
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 107| 1048%

Cơ cấu sở hữu

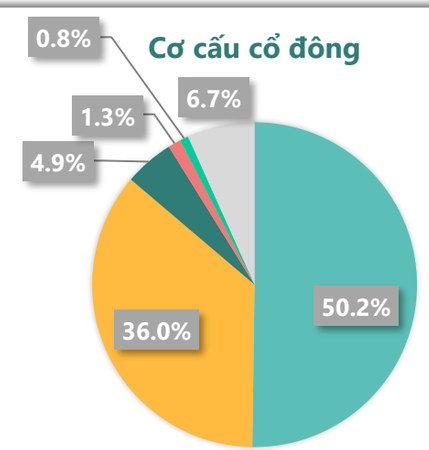


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

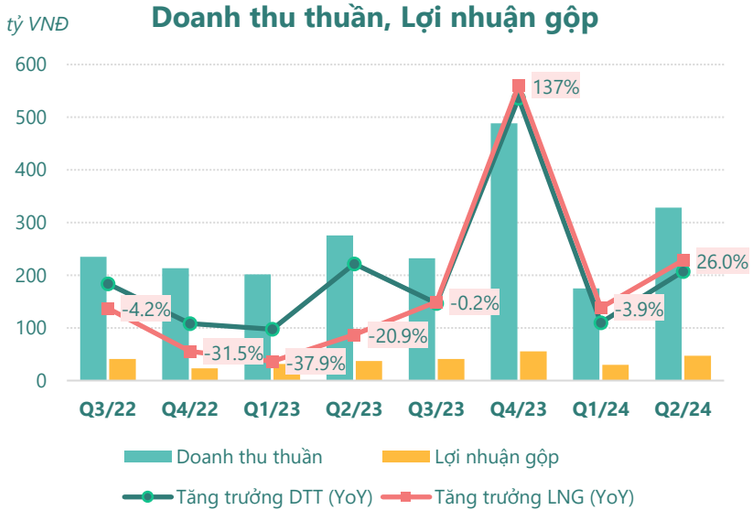




(Nguồn: fireant.vn)

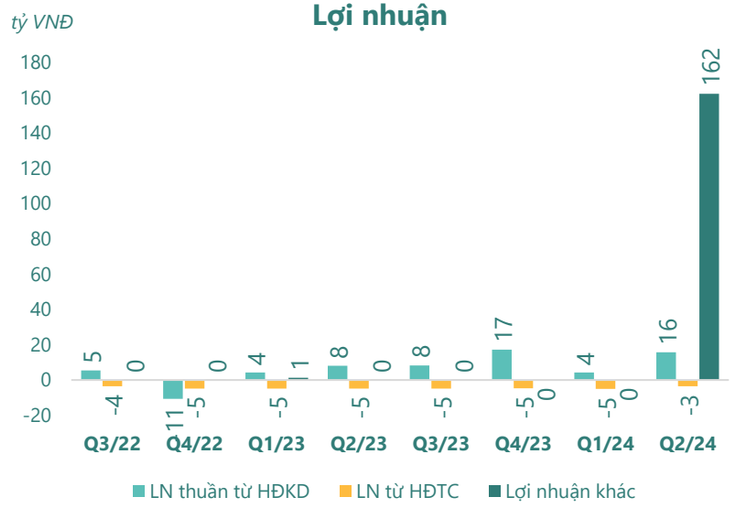
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



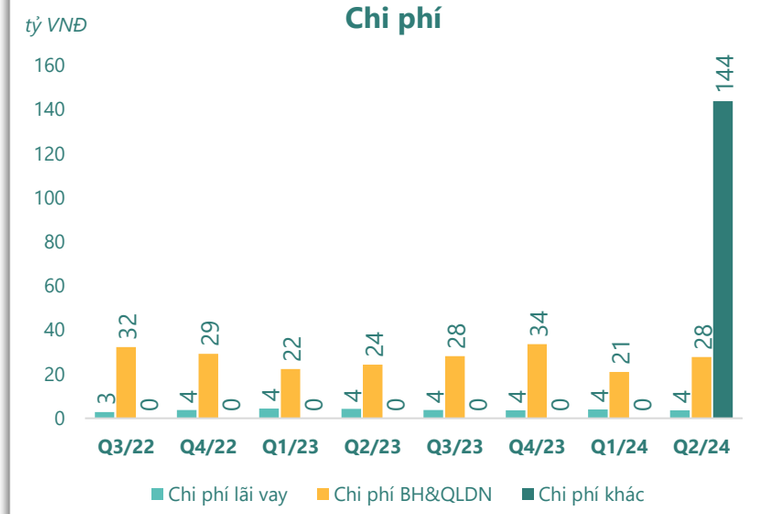
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



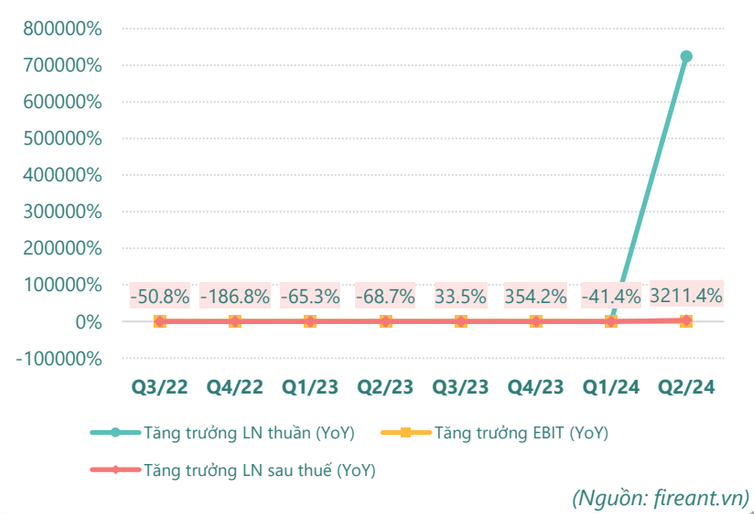
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



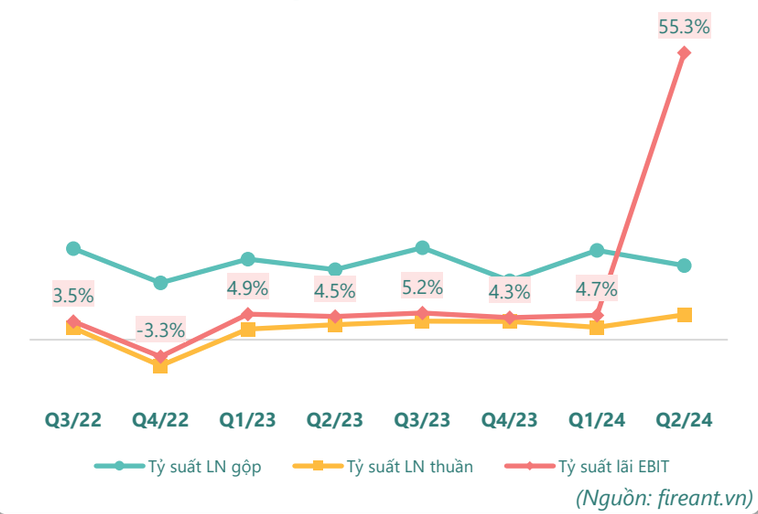
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

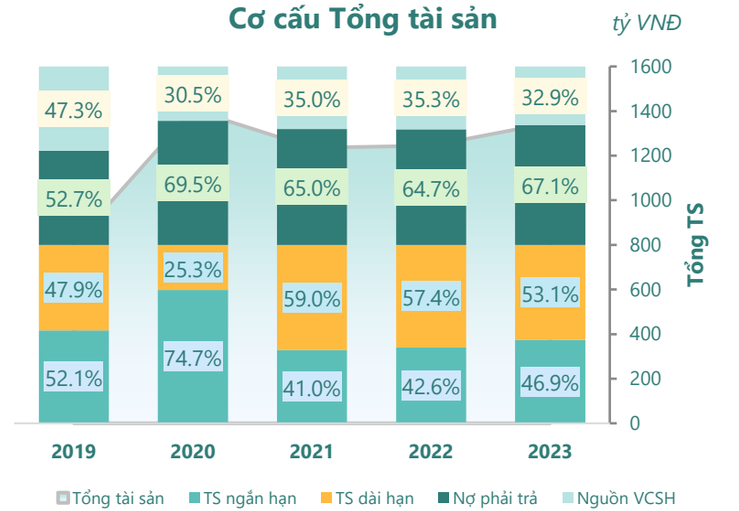
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

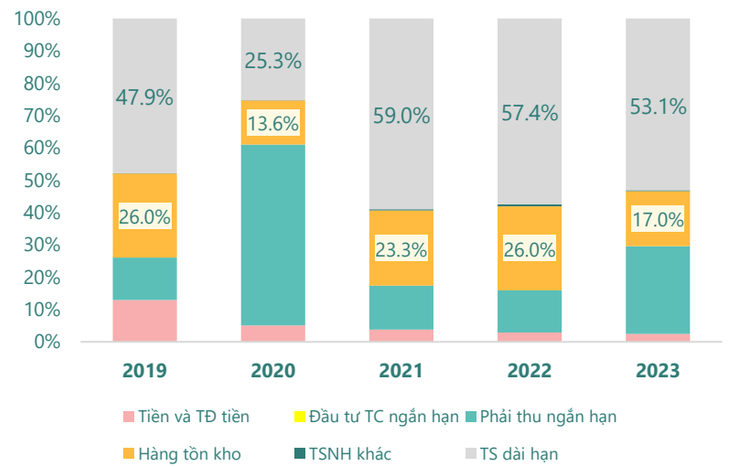
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



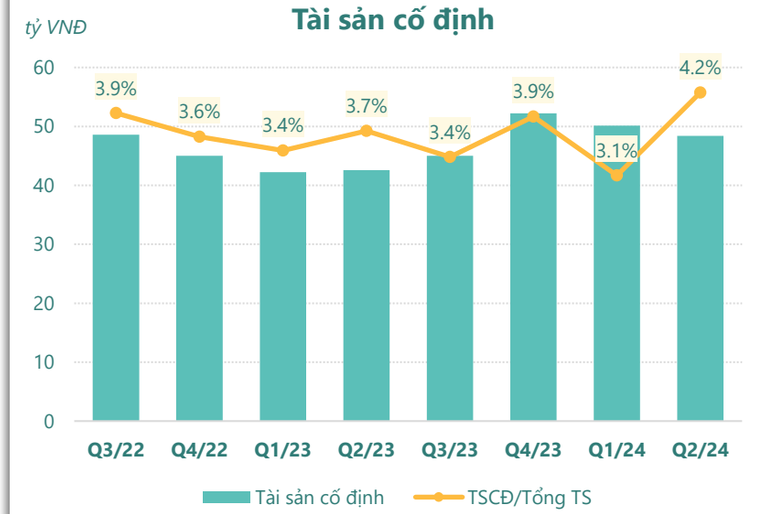
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



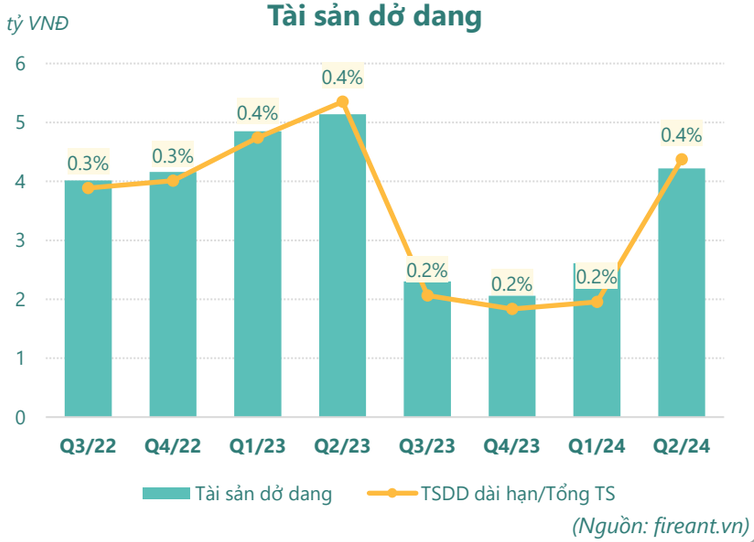
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



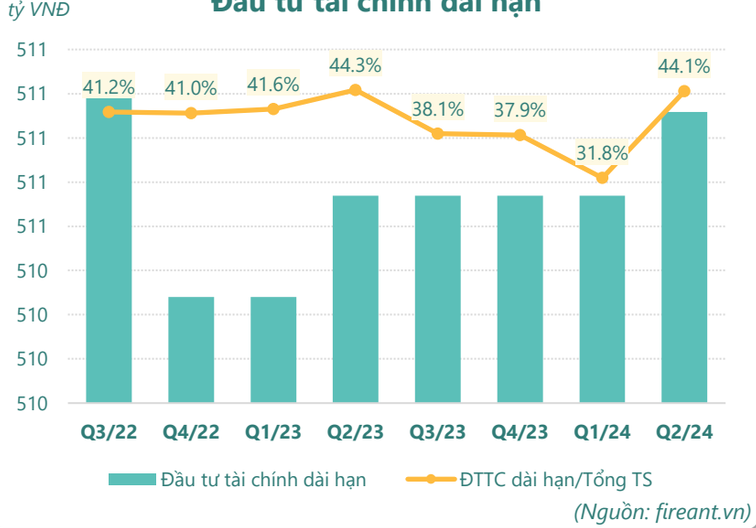
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



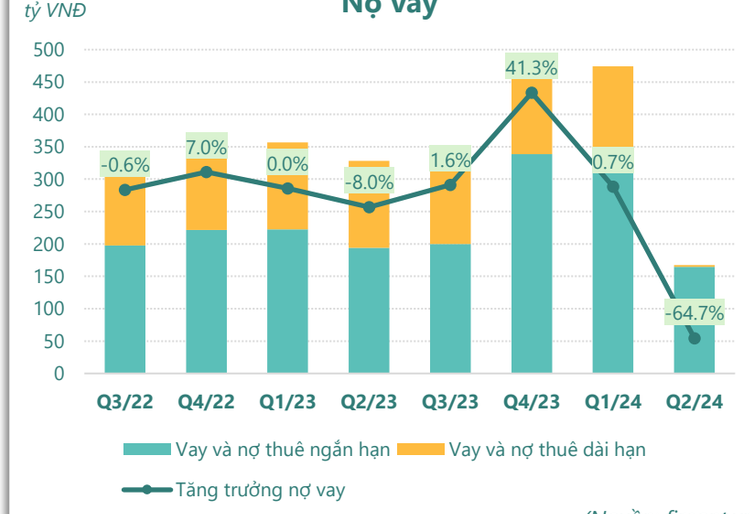
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

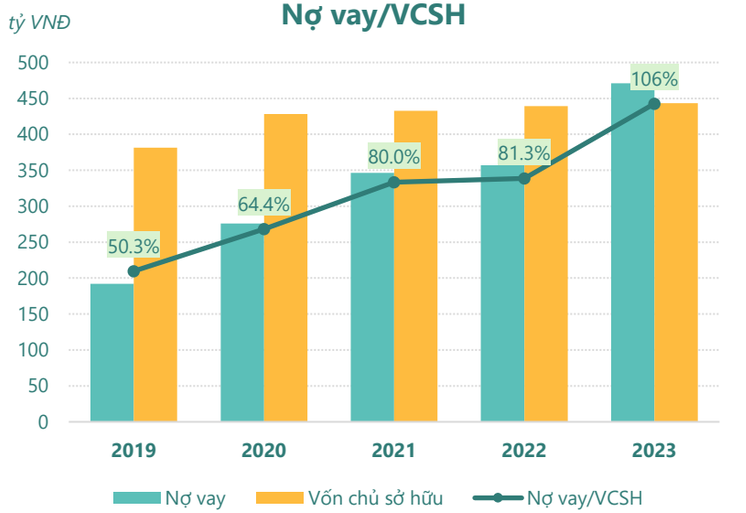
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

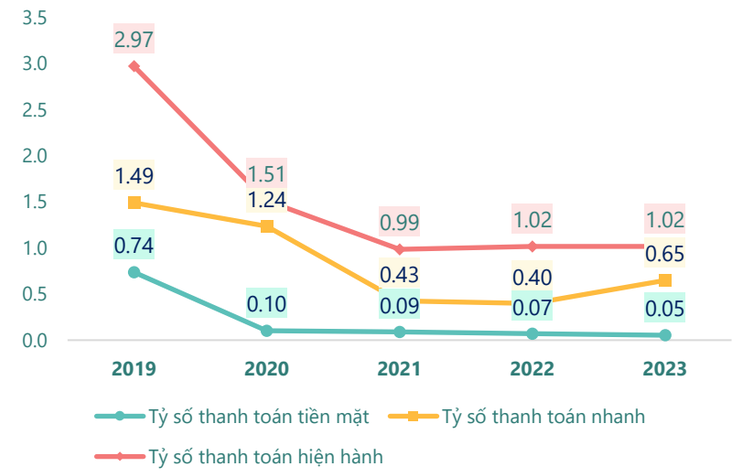
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



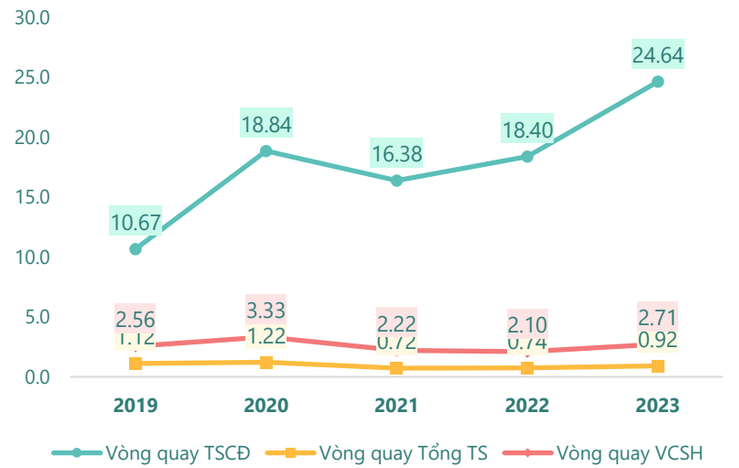
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



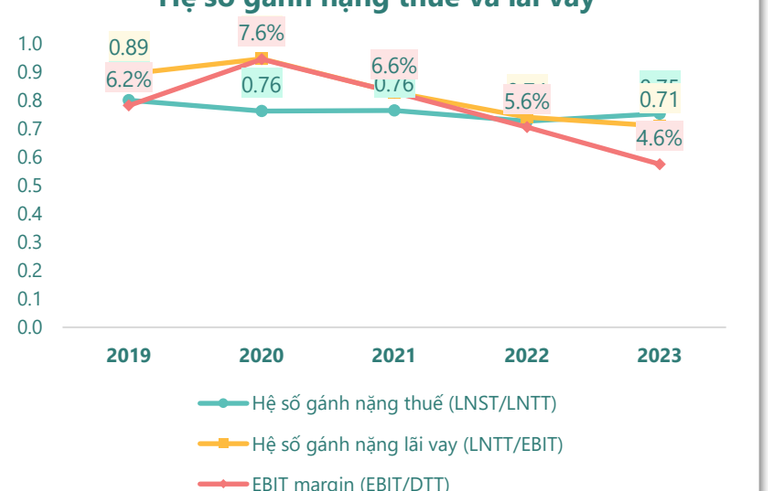
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



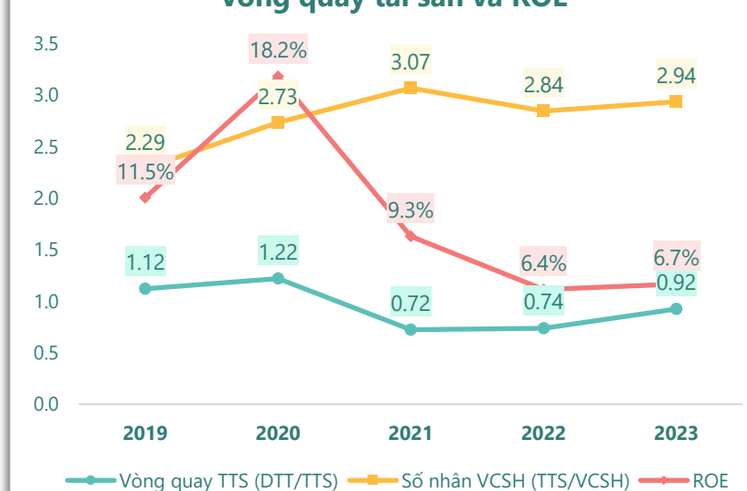
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



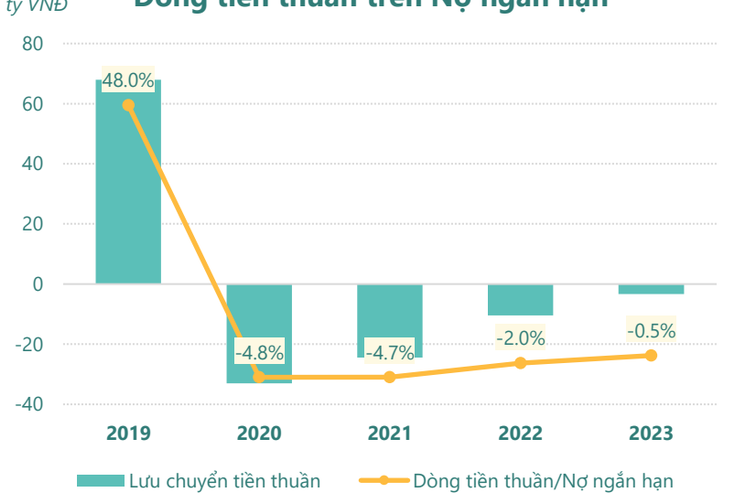
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**328**	**276**	**18.9%**	**503**	**477**	**5.4%**
Giá vốn hàng bán	281	238	18.2%	426	409	4.2%
Lợi nhuận gộp	47.0	37.3	26.0%	77.2	68.7	12.4%
Doanh thu HĐTC	1.40	0.32	337%	1.71	0.74	130%
Chi phí TC	4.87	5.25	-7.2%	10.2	10.5	-3.3%
Chi phí lãi vay	3.67	4.23	-13.2%	7.72	8.69	-11.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	10.3	8.11	27.4%	17.2	15.4	11.6%
Chi phí QLDN	**17.4**	**16.2**	**7.5%**	**31.5**	**31.2**	**0.9%**
LN thuần từ HĐKD	15.8	8.05	95.9%	20.0	12.2	63.3%
Lợi nhuận khác	**162**	**0.04**	**405458%**	**162**	**1.38**	**11650%**
LN trước thuế	178	8.09	2100%	182	13.6	1238%
Lợi nhuận sau thuế	**114**	**6.16**	**1749%**	**117**	**10.2**	**1048%**
LNST của CĐ cty mẹ	**114**	**6.16**	**1749%**	**117**	**10.2**	**1048%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.87	42.4	28.2	-143	201	-194
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.15	-0.22	-2.75	-9.91	-137	430
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.01	-28.9	-17.2	138	2.49	-308
Tiền đầu kỳ	36.4	26.3	39.6	47.9	33.1	99.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.0**	**13.2**	**8.32**	**-14.8**	**66.5**	**-71.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0.05	0.01	-0.03	0.01	-0.02
Tiền cuối kỳ	26.3	39.6	47.9	33.1	99.6	28.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,157**	**1,347**	**-14.1%**
Tài sản ngắn hạn	493	631	-21.8%
Tiền và tương đương tiền	28.5	33.1	-13.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	
Phải thu ngắn hạn	258	366	-29.5%
Hàng tồn kho	199	229	-12.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.45	3.39	-27.7%
Tài sản dài hạn	**664**	**716**	**-7.2%**
Phải thu dài hạn	98.4	6.51	1411%
Tài sản cố định	48.4	52.2	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.22	2.06	105%
Đầu tư tài chính dài hạn	511	511	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.35**	**144**	**-98.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	617	903	-31.7%
Nợ ngắn hạn	**464**	**621**	**-25.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	165	338	-51.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	191	93.5	104%
Nợ dài hạn	152	282	-46.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.63	133	-98.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**541**	**443**	**21.9%**
Vốn chủ sở hữu	**541**	**443**	**21.9%**
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)